

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	414/GP 414/GPDC 414/GPDC1 414/GPDC2 414/GPDC3 414/GPDC4 414/CPH/GP 414/CPH/GCND1-BKH do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	ngày 7 tháng 9 năm 1992 ngày 14 tháng 2 năm 1995 ngày 31 tháng 10 năm 1995 ngày 9 tháng 1 năm 1996 ngày 30 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 9 năm 1997 ngày 7 tháng 10 năm 2005 ngày 25 tháng 10 năm 2006
----------------------------	---	--

414/GPDC1-BKH-KCN-DN 414/GPDC2-BKH-KCN-DN 414/GPDC3-BKH-KCN-DN 414/GCND2/47/2 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp	ngày 16 tháng 5 năm 2003 ngày 23 tháng 6 năm 2003 ngày 7 tháng 5 năm 2004 ngày 6 tháng 9 năm 2007 ngày 11 tháng 7 năm 2008 ngày 18 tháng 12 năm 2008 ngày 30 tháng 8 năm 2010 ngày 29 tháng 11 năm 2011 ngày 13 tháng 5 năm 2013
--	--

Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông. Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu Ông Chen Chung Kuang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
---------------------	---	------------------------------------

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
 Tỉnh Đồng Nai
 Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
 Huyện Cẩm Giàng
 Tỉnh Hải Dương
 Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

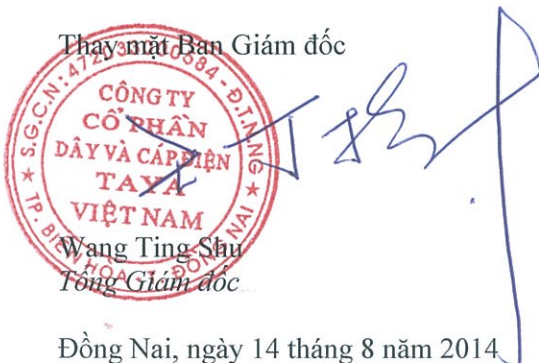
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-266



Hà Văn Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		565.232.217.220	510.649.921.774
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	179.299.865.795	157.514.045.655
Tiền	111		29.564.865.795	25.849.045.655
Các khoản tương đương tiền	112		149.735.000.000	131.665.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		-	1.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		205.857.280.677	197.653.755.114
Phải thu khách hàng	131		202.151.833.557	190.956.760.787
Trả trước cho người bán	132		3.207.907.949	6.403.700.950
Các khoản phải thu khác	135		2.212.743.400	1.938.785.067
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.715.204.229)	(1.645.491.690)
Hàng tồn kho	140	5	168.366.407.643	145.559.809.393
Hàng tồn kho	141		168.737.494.199	146.476.637.360
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(371.086.556)	(916.827.967)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.708.663.105	8.922.311.612
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.581.748.115	1.622.294.356
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.937.449.830	7.092.502.756
Tài sản ngắn hạn khác	158		189.465.160	207.514.500
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		116.475.549.938	126.546.686.102
Tài sản cố định	220		112.868.872.297	122.591.381.243
Tài sản cố định hữu hình	221	6	112.501.507.297	121.459.748.098
Nguyên giá	222		429.690.665.560	429.862.796.174
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(317.189.158.263)	(308.403.048.076)
Tài sản cố định vô hình	227	7	359.100.000	415.800.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(207.900.000)	(151.200.000)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	8.265.000	715.833.145
Tài sản dài hạn khác	260		3.606.677.641	3.955.304.859
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.704.809.490	3.025.662.785
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	901.868.151	929.642.074
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		681.707.767.158	637.196.607.876
(270 = 100 + 200)				

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

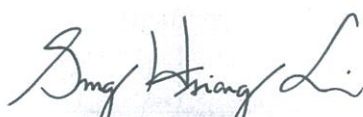
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		352.208.390.230	329.101.098.924
Nợ ngắn hạn	310		352.208.390.230	329.101.098.924
Vay ngắn hạn	311	11	137.148.000.000	113.015.600.000
Phải trả người bán	312	12	189.908.604.649	179.521.022.331
Người mua trả tiền trước	313		17.799.377.773	23.068.044.821
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	314	13	1.733.289.026	4.776.540.290
Phải trả người lao động	315		4.107.322.323	6.063.241.869
Chi phí phải trả	316	14	1.422.393.585	1.668.238.367
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		89.402.874	988.411.246
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		329.499.376.928	308.095.508.952
Vốn chủ sở hữu	410	15	329.499.376.928	308.095.508.952
Vốn cổ phần	411	16	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	414	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	17	21.553.609.319	21.553.609.319
Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.204.836.972	7.800.968.996
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		681.707.767.158	637.196.607.876

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	1.356.033.804	7.674.294.708
Ngoại tệ	5.797.728.153	5.735.555.188

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

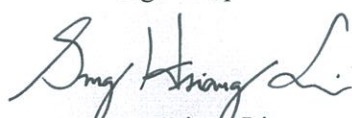
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	18	559.819.626.133	530.916.206.951
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	1.058.980.949	598.480.340
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	18	558.760.645.184	530.317.726.611
Giá vốn hàng bán	11	19	515.315.642.935	494.776.901.551
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		43.445.002.249	35.540.825.060
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	4.357.903.074	3.904.189.997
Chi phí tài chính	22	21	4.991.911.259	6.680.234.088
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.913.020.176	2.520.740.614
Chi phí bán hàng	24		9.820.259.065	9.707.258.211
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.839.421.297	12.732.280.937
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		20.151.313.702	10.325.241.821
Thu nhập khác	31	22	3.294.776.001	3.170.179.242
Chi phí khác	32		11.801.321	49.078.895
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.282.974.680	3.121.100.347
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.434.288.382	13.446.342.168
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	2.002.646.483	394.530.735
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	27.773.923	949.763.223
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		21.403.867.976	12.102.048.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	767	434

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		23.434.288.382	13.446.342.168
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		10.958.516.940	11.426.516.987
Các khoản dự phòng	03		(476.028.872)	(3.404.915)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.624.081.620	2.357.634.728
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(337.900.110)	(28.153.273)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(4.130.531.664)	(3.699.958.912)
Chi phí lãi vay	06		1.913.020.176	2.520.740.614
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		32.985.446.472	26.019.717.397
Biến động các khoản phải thu	09		(10.500.860.102)	(46.907.080.055)
Biến động hàng tồn kho	10		(22.260.856.839)	79.122.238.048
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		547.511.723	63.912.817.773
Biến động chi phí trả trước	12		361.399.536	(753.435.105)
			1.132.640.790	121.394.258.058
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.978.896.052)	(2.537.122.018)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.653.680.042)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(5.499.935.304)	118.857.136.040
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.265.387.884)	(2.485.981.001)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		367.280.000	72.727.273
Tiền thu từ các khoản đầu tư	26		1.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		4.049.823.328	3.699.958.912
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		4.151.715.444	1.286.705.184

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

Mã	Thuyết	Từ 1/1/2014	Từ 1/1/2013
số	minh	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
		VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	150.094.200.000	58.809.013.157
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(126.960.160.000)	(181.827.923.168)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	23.134.040.000	(123.018.910.011)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	21.785.820.140	(2.875.068.787)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	157.514.045.655	127.946.893.899
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	179.299.865.795	125.071.825.112

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Người lập:


Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng



Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) - chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 414 nhân viên (31/12/2013: 408 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(c) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 đến 40 năm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

(r) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.372.373.700	1.613.797.100
Tiền gửi ngân hàng	28.192.492.095	24.235.248.555
Các khoản tương đương tiền	149.735.000.000	131.665.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	179.299.865.795	157.514.045.655

5. Hàng tồn kho

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi trên đường	56.536.717.377	53.617.560.311
Nguyên vật liệu	37.050.536.891	30.372.201.022
Sản phẩm dở dang	5.673.167.341	12.671.821.358
Thành phẩm	69.327.904.940	49.815.054.669
Hàng hóa	149.167.650	-
	168.737.494.199	146.476.637.360
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(371.086.556)	(916.827.967)
	168.366.407.643	145.559.809.393

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	916.827.967	2.744.028.839
Tăng dự phòng trong kỳ	400.306.716	231.647.860
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(946.048.127)	(228.242.945)
Số dư cuối kỳ	371.086.556	2.747.433.754

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có 597 triệu VND giá trị hàng thành phẩm (31/12/2013: 10.140 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	144.874.747.631	266.127.166.494	8.550.619.664	3.265.665.789	7.044.596.596	429.862.796.174
Tăng trong kỳ	-	460.339.066	-	-	-	460.339.066
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	691.403.255	791.833.818	-	-	1.483.237.073
Thanh lý	-	(1.615.727.953)	(499.978.800)	-	-	(2.115.706.753)
Số dư cuối kỳ	144.874.747.631	265.663.180.862	8.842.474.682	3.265.665.789	7.044.596.596	429.690.665.560
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	73.331.691.093	217.946.716.944	7.608.475.406	2.942.632.972	6.573.531.661	308.403.048.076
Khấu hao trong kỳ	2.698.602.430	7.859.512.888	180.612.096	66.555.600	96.533.926	10.901.816.940
Thanh lý	-	(1.615.727.953)	(499.978.800)	-	-	(2.115.706.753)
Số dư cuối kỳ	76.030.293.523	224.190.501.879	7.289.108.702	3.009.188.572	6.670.065.587	317.189.158.263
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	71.543.056.538	48.180.449.550	942.144.258	323.032.817	471.064.935	121.459.748.098
Số dư cuối kỳ	68.844.454.108	41.472.678.983	1.553.365.980	256.477.217	374.531.009	112.501.507.297

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, có các tài sản có nguyên giá 157.752 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 153.125 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 2.188 triệu VND (31/12/2013: 4.370 triệu VND) thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/Số dư cuối kỳ	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	151.200.000
Khấu hao trong kỳ	56.700.000
Số dư cuối kỳ	207.900.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	415.800.000
Số dư cuối kỳ	359.100.000

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	715.833.145	44.574.000
Tăng trong kỳ	856.510.118	1.202.054.502
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.483.237.073)	(1.031.342.502)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(51.461.300)	-
Thanh lý	(29.379.890)	(44.574.000)
Số dư cuối kỳ	8.265.000	170.712.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.652.303.611	1.373.359.174	3.025.662.785
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	51.461.300	51.461.300
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(343.890.315)	(372.314.595)
Số dư cuối kỳ	1.623.879.331	1.080.930.159	2.704.809.490

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản cố định	537.599.224	324.633.973
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	211.156.373	200.699.492
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.006.421	92.363.494
Chi phí phải trả	139.106.133	311.945.115
	901.868.151	929.642.074

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn như sau:

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên một năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	5.000.000 USD	SIBOR+1,5%	23.430.000.000	27.410.500.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Annping (b)	4.000.000 USD	SIBOR+1,5%	6.390.000.000	8.223.150.000
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	5.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	16.390.000.000	21.085.000.000
Mega International Commercial bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.200.000 USD	1% + Chi phí huy động vốn	18.520.000.000	-
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (c)	1.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	-	6.325.500.000
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.500.000 USD	0,95% + Chi phí huy động vốn	27.690.000.000	10.542.500.000
Ngân hàng Thương Hải – OBU (c)	3.000.000 USD	4,3%	-	8.434.000.000
Ngân hàng ANZ Vietnam (c)	5.000.000 USD	0,5% năm trên chi phí huy động vốn - được quyết định trên mỗi giao dịch	6.390.000.000	-
Ngân hàng First Commercial Bank, chi nhánh nước ngoài (a)	370.000 USD	2,75%	10.648.000.000	7.801.450.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên một năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Đồng Nai (c)	40.000.000.000 VND	USD: 3% VND: Chi phí huy động vốn Chi nhánh Đồng Nai + 1,5%	12.780.000.000	10.542.500.000
Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD	USD: SIBOR/ Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5% VND: Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5%	14.910.000.000	12.651.000.000
			137.148.000.000	113.015.600.000

a. Khoản vay này được đảm bảo bởi ông Mr. Shen Shang Pang, Chủ tịch.

b. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc với giá trị ghi sổ là 2.188 triệu VND (31/12/2013: 4.370 triệu VND) (xem Thuyết minh 6).

c. Khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả bên liên quan như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả Taya Taiwan Electric Wire and Cable Co., Ltd – công ty mẹ	120.114.795.613	170.511.356.705

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	137.434.121	384.707.311
Thuế thu nhập cá nhân	233.369.415	378.313.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.362.485.490	4.013.519.049
	1.733.289.026	4.776.540.290

14. Chi phí phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phí kiểm toán	589.590.858	796.589.536
Phí lãi vay	253.266.960	319.142.836
Chi phí khác	579.535.767	552.505.995
	1.422.393.585	1.668.238.367

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(22.572.841.701)	277.721.698.255
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	12.102.048.210	12.102.048.210
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2013	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(10.470.793.491)	289.823.746.465
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	18.271.762.487	18.271.762.487
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	7.800.968.996	308.095.508.952
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.403.867.976	21.403.867.976
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	29.204.836.972	329.499.376.928

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

17. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****18. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng thành phẩm	558.921.923.720	530.610.357.978
▪ Doanh thu bán hàng hóa	557.205.725	305.848.973
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	340.496.688	-
	559.819.626.133	530.916.206.951
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.058.980.949)	(598.480.340)
Doanh thu thuần	558.760.645.184	530.317.726.611

19. Giá vốn bán hàng

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	515.261.058.023	494.528.827.061
▪ Hàng hóa đã bán	509.765.036	244.669.575
▪ Cung cấp dịch vụ	90.561.287	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(545.741.411)	3.404.915
	515.315.642.935	494.776.901.551

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi	4.130.531.664	3.699.958.912
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.371.410	204.231.085
	4.357.903.074	3.904.189.997

21. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	1.913.020.176	2.520.740.614
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.454.809.463	1.801.858.746
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.624.081.620	2.357.634.728
	4.991.911.259	6.680.234.088

22. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	367.280.000	72.727.273
Thu nhập thanh lý phế liệu	2.922.711.198	3.097.451.969
Khác	4.784.803	-
	3.294.776.001	3.170.179.242

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.002.646.483	307.367.609
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	87.163.126
	2.002.646.483	394.530.735
Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	27.773.923	949.763.223
	2.030.420.406	1.344.293.958

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	23.434.288.382	13.446.342.168
Thuế tính theo thuế suất Công ty	3.515.143.257	2.016.951.325
Chi phí không được khấu trừ thuế	191.811.591	243.492.776
Ưu đãi thuế	-	(895.584.701)
Ảnh hưởng của thuế suất khác	606.473.101	635.593.489
Lỗi tính thuế được sử dụng	(2.283.007.543)	(743.322.057)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	87.163.126
	2.030.420.406	1.344.293.958

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	-	-	13.220.649.502	2.283.007.543
	-	-	13.220.649.502	2.283.007.543

(c) Thuế suất áp dụng

Theo điều khoản trong giấy phép của Trụ sở chính Công ty tại Đồng Nai, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế.

Theo điều khoản trong giấy phép của Chi nhánh Công ty tại Hải Dương, chi nhánh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là năm năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	21.403.867.976	12.102.048.210
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	21.403.867.976	12.102.048.210

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	27.892.014	27.892.014

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng (31/12/2013: Không).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ, Taya Taiwan Electric Wire and Cable Co. Ltd., các thành viên Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt.

Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng tiền thưởng và phụ cấp công việc trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Ban Giám đốc	2.062.542.060	651.299.800
Hội đồng Quản trị	1.995.976.170	1.368.494.900
	4.058.518.230	2.019.794.700

Giao dịch với công ty mẹ

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd		
Mua nguyên vật liệu	258.557.084.135	366.971.118.818
Phí bản quyền	537.400.461	672.358.751

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

26. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản, và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	177.927.492.095	155.900.248.555
Đầu tư ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	202.649.372.728	191.250.054.164
		380.576.864.823	348.150.302.719

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Công ty thiết lập dự phòng giảm giá phản ánh lỗ phát sinh ước tính đối với phải thu khách hàng và phải thu khác. Các thành tố chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể liên quan đến từng trường hợp riêng biệt có mức rủi ro cao.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty hoặc chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chưa quá hạn	160.711.711.060	149.269.130.073
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	32.245.356.831	24.837.426.782
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	9.385.289.806	16.592.094.216
Quá hạn trên 180 ngày	307.015.031	551.403.093
	202.649.372.728	191.250.054.164

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	1.645.491.690	1.709.906.460
Tăng dự phòng trong kỳ	69.712.539	-
Số dư cuối kỳ	1.715.204.229	1.709.906.460

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2014	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	195.527.723.431	195.527.723.431	195.527.723.431
Vay ngắn hạn	137.148.000.000	138.174.514.079	138.174.514.079
	332.675.723.431	333.702.237.510	333.702.237.510

31/12/2013	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	188.240.913.813	188.240.913.813	188.240.913.813
Vay ngắn hạn	113.015.600.000	113.971.872.685	113.971.872.685
	301.256.513.813	302.212.786.498	302.212.786.498

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất và tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	272.194	272.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.711.122	2.004.876
Vay ngắn hạn	(5.500.000)	(5.360.000)
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(5.759.340)	(8.201.297)
	(8.276.024)	(11.283.768)

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
USD	21.300	21.085

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
USD (mạnh thêm 2%)	(2.996.748.468)	(3.992.817.726)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền sẽ có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của Công ty.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	177.927.492.095	155.900.248.555
▪ Đầu tư ngắn hạn	-	1.000.000.000
	177.927.492.095	156.900.248.555
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(137.148.000.000)	(113.015.600.000)

Đánh giá độ nhạy cảm giá trị hợp lý đối với công cụ tài chính có lãi suất cố định

Công ty không hạch toán bất kỳ tài sản và nợ phải trả tài chính nào theo giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn trong năm. Do đó sự biến động lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn.

Đánh giá độ nhạy cảm dòng tiền đối với công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận thuần của Công ty 338 triệu VND (2013: 961 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(c) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	177.927.492.095	177.927.492.095	156.900.248.555	156.900.248.555
▪ Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.649.372.728	(*)	191.250.054.164	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán và phải trả khác	(195.527.723.431)	(*)	(188.240.913.813)	(*)
▪ Vay ngắn hạn	(137.148.000.000)	(*)	(113.015.600.000)	(*)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

27. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	3.823.931.745	3.795.765.695
Trong vòng hai đến năm năm	20.004.332.625	16.362.627.978
Sau năm năm	83.883.665.884	90.858.789.890
	107.711.930.254	111.017.183.563

Chi phí thuê hàng năm bao gồm 3 hợp đồng thuê:

- Phí thuê đất Trụ sở chính của Công ty tại tỉnh Đồng Nai với mức thuê tối thiểu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 109.798 USD và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 25,885 USD trong vòng 50 năm tính từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi năm năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 630 triệu VND trong mười năm tính từ 1 tháng 1 năm 2012.
- Phí thuê đất hàng năm tại tỉnh Hải Dương là 590 triệu VND trong tám năm tính từ khi Chi nhánh đi vào hoạt động cho đến ngày 16 tháng 7 năm 2042.

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	495.742.389.025	410.135.316.036
Chi phí nhân công và nhân viên	25.060.490.364	22.827.511.549
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.958.516.940	11.426.516.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.490.867.016	19.499.176.201
Các chi phí khác	6.879.399.419	7.027.143.433

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Người lập:


Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

